

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HM
THÀNH PHỐ T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2021/HS-ST
Ngày 20/01/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HM , THÀNH PHỐ T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhg.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mh và bà Nguyễn Thị L

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh N

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HM tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Phú S- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận HM, thành phố T xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm Th lý số: 419/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 407/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2020 và các quyết định hoãn phiên tòa số 105/2020/HSST – QĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **TRẦN THỊ THANH H.**, sinh năm: 1984; Tên gọi khác: Không; HKTT: Số 37 Nguyễn Văn Tr, phường PL, quận TX, T; Hiện ở: Căn hộ 310 CT4A Khu đô thị XLa, phường PLa, quận HĐ, T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Trần Văn Ha(sinh năm 1957); Con bà:Lê Thị Hg(sinh năm 1962); CY: Nguyễn Đức Ch, sinh năm 1982; Có 02 con: Con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Người bị hại:

2.1 Ông Trần Văn Th, sinh năm 1966

HKTT: Thôn 5 xã QN, QX, TH

(Vắng mặt tại phiên tòa)

2.2 Bà Mạc Thị Y, sinh năm 1964

HKTT: Thôn 5, xã QN, huyện QX, TH.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

3. Người làm chứng:

3.1 Chị Nguyễn Thị B– Sinh năm: 1976.

HKTT và nơi ở: Thôn 5 xã QN, huyện QX, TH.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

3.2 Anh Nguyễn Đức Ch – Sinh năm: 1982.

Trú tại: Căn hộ 310 CT4A Khu đô thị XLa, phường PLa, quận HĐ, T.

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bản thân Trần Thị Thanh H. không phải cán bộ chiến sỹ trong lực lượng Công an nhân dân nF năm 2015, H đã đăng hình ảnh H mặc trang phục Công an nhân dân mang bảng tên Trần Mai D lên trên các tài khoản facebook, zalo mạng xã hội ở chế độ công khai với nickname "Trần Mai D", "Dkute Mai", " Tran D", "Phan Giang Manh", "H Co May") và tài khoản zalo của Trần Thị Thanh H. xác định H (D) để tạo lòng tin, mọi người nhầm tưởng H là Công an. Khoảng năm 2016, chị Lê Thị B, sinh năm: 1976, HKTT và nơi ở: Thôn 5 xã QN, huyện QX, TH có tình cờ quen biết ngoài xã hội với Trần Thị Thanh H., khi quen H, chị B được H giới thiệu tên là Trần Mai D, làm Công an ở tổng cục 8 - Bộ Công an. Chị B có được xem ảnh H mặc trang phục Công an trên trang facebook của H nên rất tin tưởng H là Công an. Nên tháng 09 năm 2019, B đặt vấn đề nhờ H lo giúp án treo cho bà Mạc Thị Y sinh năm: 1964, HKTT và chỗ ở: Thôn 5 xã QN, huyện QX, TH là người nhà họ hàng của chị B bị Công an huyện QX, TH bắt về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy vào tháng 5 năm 2019. H nói với B có thể chạy được án treo cho bà Y với chi phí 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu đồng). Sau đó, bà Mạc Thị Y và chồng là ông Trần Văn Th với B hẹn sẽ ra thành phố T để đưa tiền cho H. Trong tháng 09 năm 2019, khi B ra thành phố T, H nhờ anh Nguyễn Đức Ch là chồng của H đi xe ô tô đón B tại bến xe nước Ngầm rồi mọi người cùng đi ăn trưa tại một quán ăn ở phường HL, quận HM, T. Tại đây, B có điện thoại cho ông Th đến để gặp H (D). Ông Th đi cùng 2 người cháu họ là anh Lê Văn F (SN: 1979; HKTT: Thôn 5, QN, QX, TH) và anh Trần

Văn E (SN: 1990; HKTT: QN, QX, TH) đến quán ăn gặp H (D) và B. Trong bữa ăn, chị B có giới thiệu với ông Th là H (D) làm Công an ở Trại giam Tổng cục 8 – Bộ Công an có quen biết người trên Tòa Tối Cao có khả năng lo được án treo cho bà Y. ông Th đã nhờ H (D) lo giúp cho bà Y được xử mức án treo. H (D) đồng ý. Sau khi ăn xong, H (D) cùng mọi người đi đến uống nước tại một quán cà phê địa chỉ tại Số 58, BT4X2, Bắc Đàm, phường HL, quận HM, T. Tại đây, ông Th đưa cho B số tiền là 140.000.000 (Một trăm bốn mươi triệu) đồng gồm 02 cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng, 01 cọc tiền mệnh giá 200.000 đồng, 02 cọc tiền mệnh giá 100.000 đồng, tổng cộng gồm 05 cọc tiền để trong một túi nilon màu Y, để chuyển cho H giúp chạy án treo cho bà Y, có chứng kiến của Ch, H, F. Sau đó, B ra xe đưa số tiền 140.000.000 đồng cho H, việc đưa nhận tiền giữa các bên không có giấy tờ biên nhận. Ít ngày sau, bà Y đưa cho B số tiền 10.000.000 đồng còn lại để nhờ nộp cho H (D) cho đủ số tiền 150.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, H về TH gặp ông Th, bà Y để hỏi về tình hình của bà Y và trao đổi lại với chị B và bà Y là H sẽ tìm cách nhờ lo bệnh án tim độ 3 cho bà Y vì tình hình của bà Y khó được hưởng án treo. Sau đó, H có hỏi một số người bạn quen biết xã hội nhờ lo chạy hồ sơ bệnh án tim độ 3 cho bà Y nhưng không liên hệ nhờ được và H có thông báo cho bà Y. Sau đó, H trao đổi với B về việc lo hồ sơ bệnh án tâm thần cho bà Y, bảo B trực tiếp liên hệ nhờ lo bệnh án tâm thần cho bà Y, chi phí thế nào H sẽ đưa cho B. Do có việc đi miền Nam, H để lại số tiền 50.000.000 đồng ở nhà và bảo Ch sử dụng xe ô tô về TH chở bà Y đi khám bệnh và chuyển tiền cho B. Ngày 22/10/2019, Ch đã mang số tiền 50.000.000 đồng cho vợ cY bà Y và B đến bệnh viện tâm thần tỉnh TH. Ch có đưa cho ông Th 6.000.000 đồng để nộp tiền viện phí cho bà Y khám và làm thủ tục nhập viện tại Bệnh viện tâm thần TH. Ch đưa cho B 40 triệu đồng để B lo việc cho bà Y nhưng B trả lại. Trước khi quay trở về T, Ch cho B 1.000.000 đồng do B nói chuyện mất thu nhập do phải nghỉ bán hàng đưa bà Y đi khám. Số tiền còn lại là 43.000.000 đồng Ch mang về nhà và đưa lại cho H. Đến ngày 06/11/2019, bà Y xuất viện và ngày 07/11/2019, bà Mạc Thị Y bị Tòa án nhân dân huyện QX, TH xét xử tuyên phạt 30 tháng tù giam về tội Mua bán trái phép chất ma túy, Ngày 15/01/2020, Tòa án nhân dân tỉnh TH xét xử phúc thẩm giữ nguyên mức án phạt tại bản án sơ thẩm. Sau khi, bà Y đi chấp hành án tại trại giam Thanh Phong tỉnh TH. Ông Th và chị B đã nhiều lần yêu cầu H (D) trả lại tiền nF H (D) không trả lại. B đã trả cho ông Th, bà Y số tiền 10.000.000 đồng và trả lại cho H số tiền 1.000.000 đồng mà Ch cho B. Ngày 09/3/2020, chị Lê Thị B trình báo Công an phường HL tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Trần Thị Thanh H. như đã nêu trên.

Ngày 17/3/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận HM đã khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Thị Thanh H. tại căn hộ số 310 chung cư CT4A Khu đô thị XLa, phường PLa, quận HĐ, T. Cơ quan điều tra đã tạm giữ đồ vật, tài sản, gồm: (BL: 22 đến 50)

- + 01 (Một) chiếc quần dài màu xanh (quần Cảnh sát)
- + 01 (Một) chiếc áo đại lễ xuân hè màu vàng (áo Cảnh sát)
- + 02 (Hai) đôi tất màu xanh (tất Cảnh sát)
- + 01 (Một) biển hiệu Trần Mai D số 802-2xx(biển số Công an)
- + 02 cầu vai cấp bậc hàm thượng úy, dạng sao trắng (nhôm)
- + 02 càn tòng dạng nhôm màu bạc (ngành công an)

Ngoài ra tạm thu giữ của Trần Thị Thanh H. 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F9, màu đỏ, số imei 1: 86637604870393x, số imei2: 8663 76048703927, có sim thuê bao số 09448987xx và sim thuê bao số 09741986XX đã qua sử dụng. Đây là điện thoại của bị can Trần Thị Thanh H. sử dụng nhắn tin đăng tải hình ảnh mặc trang phục cảnh sát Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận HM: Trần Thị Thanh H. khai nhận mặc dù bản thân không công tác trong ngành Công an. H vẫn đăng ảnh cá nhân mặc trang phục Cảnh sát, đăng dòng giới thiệu bản thân ở Tổng cục trại giam trên các tài khoản facebook, zalo trên mạng xã hội ở chế độ công khai, mục đích để mọi người nhầm tưởng, nghĩ rằng H (D) làm Công an ở Tổng cục Trại giam. H đã nhận của gia đình bà Mạc Thị Y số tiền 140.000.000 đồng thông qua Lê Thị B để lo chạy án treo cho bà Y. Lời khai của H phù hợp với lời khai của chị Lê Thị B, ông Trần Văn Th, bà Mạc Thị Y, anh Lê Văn F và Trần Văn E và các tài liệu chứng cứ về việc do tin tưởng H (D) là cán bộ Công an công tác tại Trại giam Tổng cục VIII có khả năng lo án treo cho bà Y nên ông Th và bà Y đã bị H lừa đảo chiếm đoạt tài sản số tiền 134.000.000 đồng. H không liên hệ với ai liên quan đến việc điều tra, xét xử đối với bà Y, không liên hệ với ai liên quan đến hồ sơ bệnh án của bà Y. H đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết số tiền 134.000.000 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu đồng).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận HM xác minh tại Cục tổ chức cán bộ và Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng (C10) - Bộ Công an, kết quả: Không có tên Trần Mai D, Trần Thị Thanh H. (Sinh năm: 1984, HKTT: 37 Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, T) trong hệ thống quản lý hồ sơ cán bộ. Đối với biển hiệu Công an nhân dân số 802-254, quá trình xác minh xác định: Số hiệu 802-2xx cấp cho đồng chí Nguyễn Danh K hiện đang là Chiến sỹ đang thực hiện nghĩa vụ trong lực lượng Công an nhân dân thuộc biên chế Đại Đội 3, tiểu đoàn Cảnh sát cơ động 1 – Trung đoàn Cảnh sát cơ động CATP T. Đồng chí K không được cấp số

hiệu (đang đeo vào áo như đã tạm giữ) mà chỉ được in mã hiệu trên áo cảnh sát, đồng chí K khẳng định không có quan hệ quen biết gì với Trần Thị Thanh H. hay Trần Mai D, không cung cấp số hiệu 802-2xxcho bất kì ai, không biết lý do tại sao lại có biển số (dạng số hiệu CAND) trùng với số hiệu của D. H không biết anh Nguyễn Danh K. Tài liệu điều tra cho thấy đồng chí Nguyễn Danh K không có liên quan đến việc Trần Thị Thanh H. lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xác minh tại Bệnh viện Tâm thần tỉnh TH được cung cấp: bệnh nhân Mạc Thị Y đến khám và điều trị tại Bệnh viện theo quy trình khám chữa bệnh. Bệnh viện không có quan hệ gì với Trần Thị Thanh H. (Trần Mai D), Nguyễn Đức Ch, Lê Thị B trong việc bà Y đến khám chữa bệnh tại bệnh viện. Xác minh tại Cơ quan Điều tra Công an huyện QX, TH xác định: Ngày 23/05/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện QX ra quyết định khởi tố bị can đối với bà Mạc Thị Y về tội Mua bán trái phép chất ma túy, bà Y bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, ngày 12/08/2019, Cơ quan điều tra đã kết thúc điều tra đề nghị truy tố đối với bà Mạc Thị Y theo tội danh đã khởi tố. Quá trình điều tra không có ai liên hệ, tác động gì liên quan đến quá trình điều tra đối với bà Mạc Thị Y Xác minh tại Tòa án nhân dân huyện QX và Tòa án nhân dân tỉnh TH xác định: Quá trình xét xử sơ thẩm và phúc thẩm theo đúng quy định pháp luật, không có ai liên hệ, tác động gì liên quan đến việc tuyên án phạt đối với bị cáo Mạc Thị Y.

Trần Thị Thanh H., khai khi H nhận số tiền 140.000.000 đồng từ B, H đồng ý B rút lại 10.000.000 đồng tuy nhiên B không thừa nhận về số tiền 10.000.000 đồng. Việc giao nhận tiền giữa B và H không có giấy tờ, biên nhận. Lời khai của ông Th, anh F và anh E đều thể hiện không biết có việc B rút lại 10.000.000 đồng, Kết quả đối chất giữa H và B, giữa Ch và B không làm rõ được việc B có rút lại 10.000.000 đồng không. Tài liệu điều tra không có căn cứ xác định việc B rút lại 10.000.000 đồng khi giao số tiền 140.000.000 đồng cho H. Vì vậy, H phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ số tiền 140.000.000 đồng.

Đối với hành vi của Nguyễn Đức Ch (chồng của H), quá trình điều tra xác định: Ch được H nhờ chở H đi đón chị B và đi TH để H gặp ông Th, bà Y; trong quá trình gặp gỡ, trao đổi, Ch có biết việc H nhận tiền để lo án treo cho bà Y tuy E Chinh không trực tiếp trao đổi thỏa thuận với B, ông Th và bà Y; Ch không được H bàn bạc, trao đổi về việc nhận tiền chạy án cho bà Y như thế nào, không biết mối quan hệ giữa H, B, ông Th, bà Y cũng như việc H đăng ảnh mặc trang phục cảnh sát trên các trang facebook, zalo, khi cơ quan Công an khám xét nhà ở Ch mới biết H có để trang phục cảnh sát trong nhà. Việc Ch về tỉnh TH cho bà Y, ông Th, và B đến bệnh viện Tâm thần tỉnh TH, việc Ch đưa tiền cho ông

Th và B đều do H nhờ Ch (H không trao đổi, bàn bạc mục đích thực hiện nội dung trên). Ch không biết H sử dụng số tiền nhận của gia đình ông Th bà Y như thế nào, Ch không được chi tiêu gì trong số tiền H nhận để chạy án cho bà Y. Căn cứ tài liệu thu thập được không đủ căn cứ xác định hành vi của Nguyễn Đức Ch đồng phạm với Nguyễn Thị Thanh H về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Trong quá trình điều tra, Nguyễn Đức Ch (cY của H) đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan công an số tiền 5.000.000 đồng để H khắc phục hậu quả. Ngoài ra, gia đình H đã tự nguyện trả lại cho ông Th số tiền là 129.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền đã khắc phục hậu quả là: 134.000.000 và 6.000.000 đồng ông Th đã nhận tại bệnh viện TH là 140.000.000 đồng.

Đối với Lê Thị B: Do tin tưởng Nguyễn Thị Thanh H (D) là cán bộ công an nên B đã giới thiệu H với ông Th, bà Y và nhờ H lo án treo cho bà Y. H đồng ý về việc nhận lo chạy án cho bà Y nên B nhận tiền của ông Th, bà Y để đưa cho H (D). Việc B khai chuyển số tiền 10.000.000 đồng nhận của bà Y cho H, quá trình điều tra xác minh tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không có việc giao dịch số tiền trên vào tài khoản của Trần Thị Thanh H., như vậy là không có căn cứ. Tuy E khi bà Y bị tuyên án phạt tù, B đã trả lại cho bà Y 10.000.000 đồng. Đối với số tiền 1.000.000 đồng được Ch cho vào ngày 22/10/2019, B đã trả lại cho H. B đã làm đơn tố giác H (D) gửi Cơ quan Công an. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận HM không đủ căn cứ xác định hành vi của Lê Thị B đồng phạm với Nguyễn Thị Thanh H về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đối với ông Trần Văn M và bà Mạc Thị Y dùng tiền để lo chạy án cho bà Y là sai quy định. Tuy E, việc làm này xuất phát từ sự thiếu hiểu biết và tin tưởng H (D) là công an có thể lo giúp bà Y được hưởng án treo nên ông Thu, bà Y đã thông qua B đưa tiền cho H (D). Quá trình điều tra xác định không có ai tác động đến quá trình điều tra cũng như xét xử đối với bà Y, bà Y không được hưởng án treo và hiện đang chấp hành án phạt tù. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với người tên D cho H mượn trang phục công an, H khai quen biết xã hội không rõ họ tên đầy đủ, địa chỉ và số điện thoại, do đó Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh. Ông Trần Văn M và bà Mạc Thị Y đề nghị được nhận lại số tiền 5.000.000 đồng gia đình H giao nộp cho cơ quan Công an và không có yêu cầu bồi thường gì khác về dân sự. Công an quận HM không đủ căn cứ xác định hành vi của Lê Thị B đồng phạm với Nguyễn Thị Thanh H về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đối với ông Trần Văn M và bà Mạc Thị Y dùng tiền để lo chạy án cho bà Y là sai quy định. Tuy E, việc làm này xuất phát từ sự thiếu hiểu biết và tin tưởng H (D) là công an có thể lo giúp bà Y được hưởng án treo nên ông Th, bà Y đã thông qua B đưa tiền cho H (D). Quá trình điều tra xác định không có ai tác động đến quá trình điều tra cũng như xét xử đối với bà Y, bà Y không được hưởng án treo và hiện đang chấp hành án phạt tù. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với người tên D cho H mượn trang phục công an, H khai quen biết xã hội không rõ họ tên đầy đủ, địa chỉ và số điện thoại, do đó Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh.

Ông Trần Văn M và bà Mạc Thị Y đề nghị được nhận lại số tiền 5.000.000 đồng gia đình H giao nộp cho cơ quan Công an và không có yêu cầu bồi thường gì khác về dân sự. Ông Th, bà Y đều có đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

Tại bản cáo trạng số: 385/CT-VKS-HM ngày 18 tháng 11 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân quận HM truy tố bị cáo Trần Thị Thanh H. về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HM giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, **điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38** Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt Trần Thị Thanh H. từ 36 tháng đến 42 **tháng tù** về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Thị Thanh H..

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại OPPO F9, màu Y đỏ số Imei 1: 86637604870393x; số Imeil 2 : 86637604870392x.
- Tịch thu tiêu hủy : 01 chiếc quần dài màu xanh (quần Cảnh sát); 01 chiếc áo đại lễ xuân hè màu vàng (áo Cảnh sát); 02 (Hai) đôi tất màu xanh (tất Cảnh sát); 01 (Một) biển hiệu Trần Mai D số 802-2xx(biển số Công an); 02 cầu vai cấp bậc hàm thượng úy, dạng sao trắng (nhôm); 02 cảnh tùng dạng nhôm màu bạc (ngành công an) .
- Ông Trần Văn M được nhận số tiền 5.000.000 đồng là số tiền bị cáo Đặng Thanh H nộp khắc phục hậu quả tại cơ quan thi hành án quận HM.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Thị Thanh H. thừa nhận hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị cáo do thiếu tiền nên sau khi chị B nhờ chạy án thì nảy sinh ý định lừa đảo vợ cY ông Th, bà Y bị cáo nhận số tiền là một trăm bốn mươi triệu

đồng, bị cáo đã bồi thường 129.000.000 đồng bằng tiền mặt, 6.000.000 đồng đưa cho ông Th tại bệnh viện ở TH, hiện còn 5.000.000 đồng gia đình bị cáo nộp khắc phục hậu quả tại cơ quan thi hành án quận HM, anh Nguyễn Đức Ch không liên quan, không được hưởng lợi gì từ việc lừa đảo của bị cáo và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Người làm chứng anh Nguyễn Đức Ch khẳng định anh không biết việc bị cáo H chạy án, bị cáo H nhờ việc gì thì làm hộ và không được hưởng lợi từ việc lừa đảo của bị cáo Trần Thị Thanh H..

Lời nói sau cùng: Bị cáo hối lỗi về hành vi phạm tội của mình đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ nhất mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận HM, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận HM, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi bị truy tố:

Trần Thị Thanh H. không phải cán bộ chiến sỹ trong lực lượng Công an nhân dân nF năm 2015, H đăng hình ảnh H mặc trang phục Công an nhân dân mang bảng tên Trần Mai Dên trên tài khoản Facebook, zalo, mạng xã hội ở chế độ công khai với nhiều Nickname. Nên tháng 09/2019 chị Lê Thị B có nhờ H lo giúp chạy án treo cho Mạc Thị Y bị công an huyện QX, TH bắt về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy vào tháng 5/2019. Tháng 9/2019, tại quán cafe số 58 BT4 X2 Bắc D Đàm, phường HL, quận HM, T Trần Thị Thanh H. đã thông qua chị Lê Thị B nhận số tiền 140.000.000 đồng của ông Trần Văn M và hứa hẹn giúp Mạc Thị Y được xét xử án treo nF sau khi nhận tiền, H không thực hiện mà dùng số tiền trên ăn tiêu hết. Nên ngày 09/3/2020 chị Lê Thị B và ông Trần Văn M đã làm đơn tố cáo H với cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận HM, T.

Hành vi của bị cáo Trần Thị Thanh H. đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Điều 174 quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nF thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

Bị cáo Trần Thị Thanh H. là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, do đó cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận HM truy tố bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo gây tâm lý Hng mang, lo lắng cho nhân dân tại địa phương, làm mất trật tự trị an xã hội, do vậy cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự đối với bị cáo.

Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Do vậy cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục cải tạo bị cáo thành công dân chấp hành pháp luật, đồng thời nhằm răn đe phòng ngừa chung.

Về nhân thân: Bị cáo Trần Thị Thanh H. nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, tuy E số tiền bị cáo chiếm đoạt là 140.000.000 đồng là số tiền lớn vi phạm điểm c khoản 2 điều 174 Bộ luật hình sự . Hội đồng xét xử cũng xem xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo khắc phục hậu quả, bị cáo đã nộp 5.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án quận HM, đưa tiền mặt trực tiếp cho ông Th, bà Y là 129.000.000 đồng, và đưa cho ông Th là 6.000.000 đồng tại bệnh viện TH, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Trần Thị Thanh H. là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[3] Về phần dân sự:

Người bị hại ông Trần Văn Th, bà Mạc Thị Y đã nhận được tiền bị cáo H đền bù là 135.000.000 đồng, Ông Trần Văn M và bà Mạc Thị Y đề nghị được

nhận lại số tiền 5.000.000 đồng gia đình H giao nộp cho cơ quan Công an và không có yêu cầu bồi thường gì khác về dân sự nên cần trả cho ông Th, bà Y.

Đối với chiếc điện thoại di động 01 điện thoại OPPO F9, màu Y đỏ số Imei 1: 86637604870393x; số Imeil 2 : 86637604870392x bị cáo H dùng để đăng ảnh mặc trang phục công an mục đích để lừa đảo nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với 01 chiếc quần dài màu xanh (quần Cảnh sát); 01 chiếc áo đại lễ xuân hè màu vàng (áo Cảnh sát); 02 (Hai) đôi tất màu xanh (tất Cảnh sát); 01 (Một) biển hiệu Trần Mai Dsố 802-2xx(biển số Công an); 02 cầu vai cấp bậc hàm thượng úy, dạng sao trắng (nhôm); 02 cảnh tùng dạng nhôm màu bạc (ngành công an) là trang phục H mặc chụp ảnh nhằm mục đích để lừa đảo, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với Nguyễn Thị B: Do tin tưởng Trần Thị Thanh H (D) là cán bộ công an nên B đã giới thiệu H với ông Th, bà Y và nhờ H lo án treo cho bà Y. H đồng ý về việc nhận lo chạy án cho bà Y nên B nhận tiền của ông Th, bà Y để đưa cho H (D). Việc B khai chuyển số tiền 10.000.000 đồng nhận của bà Y cho H, quá trình điều tra xác minh tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không có việc giao dịch số tiền trên vào tài khoản của Trần Thị Thanh H., như vậy là không có căn cứ. Tuy E khi bà Y bị K án phạt tù, B đã trả lại cho bà Y 10.000.000 đồng. Đối với số tiền 1.000.000 đồng được Ch cho vào ngày 22/10/2019, B đã trả lại cho H. B đã làm đơn tố giác H (D) gửi Cơ quan Công an. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận HM không đủ căn cứ xác định hành vi của Lê Thị B đồng phạm với Nguyễn Thị Thanh H về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là đúng và phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với ông Trần Văn M và bà Mạc Thị Y dùng tiền để lo chạy án cho bà Y là sai quy định. Tuy E, việc làm này xuất phát từ sự thiếu hiểu biết và tin tưởng H (D) là công an có thể lo giúp bà Y được hưởng án treo nên ông Thu, bà Y đã thông qua B đưa tiền cho H (D). Quá trình điều tra xác định không có ai tác động đến quá trình điều tra cũng như xét xử đối với bà Y, bà Y không được hưởng án treo và hiện đang chấp hành án phạt tù. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Đối với hành vi của Nguyễn Đức Ch (chồng của H), quá trình điều tra xác định: Ch được H nhờ chở H đi đón chị B và đi TH để H gặp ông Th, bà Y; trong quá trình gặp gỡ, trao đổi, Ch có biết việc H nhận tiền để lo án treo cho bà Y tuy E Ch không trực tiếp trao đổi thỏa thuận với B, ông Th và bà Y; Ch không được H bàn bạc, trao đổi về việc nhận tiền chạy án cho bà Y như thế nào, không biết mối quan hệ giữa H, B, ông Th, bà Y cũng như việc H đăng ảnh mặc trang

phục cảnh sát trên các trang facebook, zalo, khi cơ quan Công an khám xét nhà ở Ch mới biết H có để trang phục cảnh sát trong nhà. Việc Ch về TH cho bà Y, ông Th và B đến bệnh viện Tâm thần tỉnh TH, việc Ch đưa tiền cho ông Th và B đều do H nhờ Ch (H không trao đổi, bàn bạc mục đích thực hiện nội dung trên). Ch không biết H sử dụng số tiền nhận của gia đình ông Th, bà Y như thế nào, Ch không được chỉ tiêu gì trong số tiền H nhận để chạy án cho bà Y. Căn cứ tài liệu thu thập được không đủ căn cứ xác định hành vi của Nguyễn Đức Ch đồng phạm với Nguyễn Thị Thanh H về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[5] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Các Điều 106, 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Thanh H.: 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về dân sự: Người bị hại ông Nguyễn Văn Th, bà Mạc Thị Y đã nhận của bị cáo Trần Thị Thanh H. khắc phục hậu quả số tiền 135.000.000 đồng (bao gồm 129.000.000 đồng ông Th, bà Y nhận bằng tiền mặt, 6.000.000 đồng, ông Th nhận tại bệnh viện tỉnh TH), hiện còn số tiền là 5.000.000 đồng bị cáo Trần Thị Thanh H. đã nộp khắc phục hậu quả tại Chi cục thi hành án quận HM. Người bị hại ông Trần Văn Th, bà Mạc Thị Y được nhận số tiền 5.000.000 đồng bị cáo Đặng Thị Thanh H bồi thường khắc phục hậu quả tại chi cục thi hành án quận HM.

(Toàn bộ số tiền trên hiện đang tạm giữ tại tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự quận HM tại Kho bạc Nhà nước quận HM theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 10.11.2020 nội dung: Nộp tiền trong vụ án Trần Thị Thanh H. , sinh năm: 1994; HKTT: 37 Nguyễn Văn Tr, PL, TX, T, lừa đảo chiếm đoạt tài sản).

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại OPPO F9, màu hồng đỏ số Imei 1: 86637604870393x; số Imei 2 : 86637604870392x

Tịch thu tiêu hủy : 01 chiếc quần dài màu xanh (quần Cảnh sát); 01 chiếc áo đại lễ xuân hè màu vàng (áo Cảnh sát); 02 (Hai) đôi tất màu xanh (tất Cảnh sát); 01 (Một) biển hiệu Trần Mai Dsố 802-2xx(biển số Công an); 02 câu vai cấp bậc hàm thượng úy, dạng sao trắng (nhôm); 02 cành tùng dạng nhôm màu bạc (ngành công an).

(Toàn bộ vật chứng hiện đang lưu giữ tại kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự quận HM theo phiếu nhập kho số 060/ NK2021 ngày 23 tháng 11 năm 2020).

3. Về án phí: Bị cáo Trần Thị Thanh H. phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Thị Thanh H. có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại là ông Trần Văn M và bà Mạc Thị Ycó quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND quận HM;
- Những người tham gia tố tụng;
- Công an quận HM;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Nhg

T, ngày 20 tháng 01 năm 2021

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HM

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhg.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Doãn Tnh

Bà Trần Thị Mh

Vào hồi 15h40 ngày 20/01/2021 tại phòng nghị án, Trụ sở Tòa án nhân dân quận HM, T.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 419/2020/TLST-HS ngày 01/12/2020 đối với các bị cáo: Trần Thị Thanh H.

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc thuộc trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Kết quả biểu quyết: Nhất trí 3/3.

2. Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập: Đảm bảo tính hợp pháp.

Kết quả biểu quyết: Nhất trí 3/3.

Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đảm bảo tính hợp pháp.

Kết quả biểu quyết: Nhất trí 3/3.

3. Về tội danh: Bị cáo Trần Thị Thanh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Kết quả biểu quyết: Nhất trí 3/3.

1. Về Điều luật áp dụng:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Các Điều 106, 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: Nhất trí 3/3.

5. Về mức hình phạt:

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Thanh H.: 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Kết quả biểu quyết: Nhất trí 3/3.

6. Về hình phạt bổ sung : Không áp dụng hình phạt bổ sung đối bị cáo

Kết quả biểu quyết : Nhất trí 3/3

7. Về dân sự : Người bị hại ông Nguyễn Văn Th, bà Mạc Thị Y đã nhận của bị cáo Trần Thị Thanh H. khắc phục hậu quả số tiền 135.000.000 đồng (bao gồm 129.000.000 đồng ông Th, bà Y nhận bằng tiền mặt, 6.000.000 đồng, ông Th nhận tại bệnh viện tỉnh TH), hiện còn số tiền là 5.000.000 đồng bị cáo Trần Thị Thanh H. đã nộp khắc phục hậu quả tại Chi cục thi hành án quận HM. Người bị hại ông Trần Văn Th, bà Mạc Thị Y được nhận số tiền 5.000.000 đồng bị cáo Đặng Thị Thanh H bồi thường khắc phục hậu quả tại chi cục thi hành án quận HM.

Kết quả biểu quyết : Nhất trí 3/3

8. Về áp dụng biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại OPPO F9, màu Y đỏ số Imei 1: 86637604870393x; số Imeil 2 : 86637604870392x

Tịch thu tiêu hủy : 01 chiếc quần dài màu xanh (quần Cảnh sát); 01 chiếc áo đại lễ xuân hè màu vàng (áo Cảnh sát); 02 (Hai) đôi tất màu xanh (tất Cảnh sát); 01 (Một) biển hiệu Trần Mai D số 802-2xx(biển số Công an); 02 cầu vai cấp bậc hàm thượng úy, dạng sao trắng (nhôm); 02 cảnh tùng dạng nhôm màu bạc (ngành công an).

Kết quả biểu quyết : Nhất trí 3/3

9. Bị cáo Trần Thị Thanh H không thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt.

Kết quả biểu quyết: Nhất trí 3/3.

10. Về án phí: Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: Nhất trí 3/3.

11. Về quyền kháng cáo : Căn cứ các điều 331, 333 BLTTHS năm 2015: Bị cáo Trần Thị Thanh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại là ông Trần Văn M và bà Mạc Thị Y có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án

Kết quả biểu quyết: Nhất trí 3/3.

12. Kiến nghị phòng ngừa tội phạm, khắc phục vi phạm: không.

Kết quả biểu quyết: Nhất trí 3/3.

Biên bản làm xong đã đọc lại cho các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa